TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **168**/2024/QĐST-HNGĐ	*Hoài Đức, ngày 02 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 145/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc "tranh chấp hôn nhân gia đình", giữa:

Nguyên đơn: **Chị Tiến Thị T** – sinh năm: 1988; HKTT: Xóm Rô, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Bỉnh V -** sinh năm 1982; HKTT: Xóm Rô, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Tiến Thị T** và anh **Nguyễn Bỉnh V.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Về con chung: Chị Tiến Thị T và anh Nguyễn Bỉnh V xác nhận có 02 (hai) con chung là Nguyễn Băng N, sinh ngày 14/01/2012 và Nguyễn Tri G, sinh ngày 14/7/2013. Anh chị thỏa thuận giao cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh V tự nguyện không yêu cầu chị T đóng góp nuôi cả hai con chung, kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.2] Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị T, anh V không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.3] Về công nợ: Chị T, anh V xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.4] Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tiến Thị T chịu cả số tiền 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng đã nộp, chị T được nhận lại số tiền 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số BLTU/23/0005664 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Lan Anh

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội
- VKSND H.Hoài Đức;
- Chi cục THADS H.Hoài Đức;
- UBND xSơn Đồng. h.Hoài Đức, TP.Hà Nội (GCNKH số 42/2011, quyển số 01/2011 ngày 12/5/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.